

Số: 403/2025/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 401/2025/TLST - HNGĐ ngày 10/11/2025 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị NGUYỄN THỊ N- sinh năm 1992

HKTT và nơi cư trú: xóm H, thôn Đ, xã N, Thành phố Hà Nội.

Số CCCD: 001192010805 cấp ngày 03/5/2023

Bị đơn: Anh NGUYỄN VĂN Q- sinh năm 1991

HKTT và nơi cư trú: thôn T, xã N, Thành phố Hà Nội.

Số CCCD: 001091011249 cấp ngày 08/12/2021

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **17/11/2025**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **17** tháng **11** năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 04/3/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 14/9/2012. Ghi nhận sự thoả thuận của chị N và anh Q: giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V; giao anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Chị N và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét. Chị N, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị N và anh Q không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí LHST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị N đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H (Biên lai số 0015628 ngày 10/11/2025). Trả lại chị N 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội (nay là xã Nam Phú, Hà Nội). Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 24/02/2011);
- Lưu HS;

Nguyễn Thị Hoài

và Đào Tuấn A, sinh ngày 03/01/2007 đều đã trưởng thành, ông T và bà C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: ông T và bà C tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: ông Đào Xuân T tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí LHST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do ông T đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H (Biên lai số 0006184 ngày 04/9/2025). Trả lại ông T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội (nay là xã Thanh Trì, Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 22/6/1999);
- Lưu HS;

Nguyễn Thị Hoài

